

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2023
V/v: “Xin ly hôn”.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. B: Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 3321/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh M, sinh năm 1987.

Trú tại: 78E/4, khu phố 2, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Phạm Công Đ, sinh năm 1982.

Trú tại: 78E/4, khu phố 2, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M, ông Đ có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2022, các lời khai tại hồ sơ bà Lê Thị Thanh M trình bày:**

Bà và ông Phạm Công Đ kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Biên, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Hôn nhân giữa bà và ông Phạm Công Đ là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình sống chung thì thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp. Tuy nhiên cả hai vợ chồng đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Thế nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến

gia đình luôn căng thẳng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Phạm Công Đ để trả tự do cho nhau.

- **Về con chung:** Bà và ông Phạm Công Đ có 03 (ba) con chung:

1/ Phạm Gia B, sinh ngày: 22/8/2004.

2/ Phạm Thị Gia H, sinh ngày: 18/6/2006.

3/ Phạm Gia Kh, sinh ngày: 28/9/2011.

Sau khi ly hôn cháu Phạm Gia B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và cháu Kh.

Tạm thời bà không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Lê Thị Thanh M tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai ngày 14/12/2022, bị đơn - ông Phạm Công Đ trình bày:**

Ông và bà Lê Thị Thanh M kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Biên, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Hôn nhân giữa ông và bà M là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vì nhiều lý do mà cả hai vợ chồng cố gắng để hàn gắn nhưng không thành. Hiện tại ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- **Về con chung:** Ông và bà M có 03 (ba) con chung:

1/ Phạm Gia B, sinh ngày: 22/8/2004.

2/ Phạm Thị Gia H, sinh ngày: 18/6/2006.

3/ Phạm Gia Kh, sinh ngày: 28/9/2011.

Sau khi ly hôn cháu Phạm Gia B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông đồng ý để bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và cháu Kh. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Thanh M và ông Phạm Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bà Lê Thị Thanh M là nguyên đơn, Phạm Công Đ là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh M và ông Phạm Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà M sau khi kết hôn vợ chồng sống chung không hạnh phúc mà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Cả hai vợ chồng đã cố gắng nhưng không thể cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy nay bà làm đơn xin ly hôn với ông Đ để trả tự do cho nhau.

Ông Phạm Công Đ cũng trình bày, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà M xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh M.

[2] Về con chung: M có 03 (ba) con chung:

1/ Phạm Gia B, sinh ngày: 22/8/2004.

2/ Phạm Thị Gia H, sinh ngày: 18/6/2006.

3/ Phạm Gia K, sinh ngày: 28/9/2011.

Cháu Phạm Gia B đã trưởng thành nên ông Đ, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông, bà thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu H và cháu K cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Nguyện vọng của cháu H và cháu K cũng muốn sống với mẹ là bà Lê Thị Thanh M. Vì vậy có cơ sở giao cháu Phạm Thị Gia H, sinh ngày: 18/6/2006, Phạm Gia K, sinh ngày: 28/9/2011 cho bà Lê Thị Thanh M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà M và ông Đ đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Khai không có nên không đặt ra xem xét

[4] Về án phí HNGĐ-ST: Bà Lê Thị Thanh M phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh M

-Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh M và ông Phạm Công Đ.

- Về con chung: có 03 (ba) con chung:

1/ Phạm Gia B, sinh ngày: 22/8/2004.

2/ Phạm Thị Gia H, sinh ngày: 18/6/2006.

3/ Phạm Gia K, sinh ngày: 28/9/2011.

Khi ly hôn Cháu Phạm Gia B, sinh ngày: 22/8/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Giao hai cháu Phạm Thị Gia H, sinh ngày: 18/6/2006, Phạm Gia K, sinh ngày: 28/9/2011 cho bà Lê Thị Thanh M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con .

Vì ông Phạm Công Đ không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con nên được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- **Về nợ chung:** Khai không có nên không đặt ra để xem xét.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Lê Thị Thanh M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Thanh M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005082 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Bà M đã nộp đủ án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;

-VKSND Tp B;

-Các đương sự;

-Thi hành án;

-Lưu hồ sơ, Vp.

-Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nH dân **Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa**

